TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số: **170**/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 09/4/2019
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH TIỀN GIANG
***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Ánh Hồng**.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông **Châu Vũ Bình**.

2. Ông **Trương Hoàng Hoa**.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện N, Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa*: Bà **Đinh Thị Tuyết Hằng-** kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 38/2019/TLST-HN ngày 15 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2019/QĐST-HN ngày 15 tháng 03 năm 2019 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: **Nguyễn Thị Thanh L**, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện N, Tiền Giang.

* **Bị đơn Trần Văn K**, sinh năm 1976 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện N, Tiền Giang.

NHẬN THẤY:

* Theo đơn ly hôn, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh L trình bày: Chị và anh Trần Văn K cưới nhau năm 2001 do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện C, Tỉnh Tiền Giang vào ngày 09/7/2004. Thời gian đầu vợ chồng anh chị sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh K ghen vô cớ thường hay đánh chị L, chị L đã cố gắng hàn gắn nhưng anh K vẫn không thay đổi. Chị L và anh K đã sống ly thân từ tháng 09/2018 cho đến nay, nay chị L nhận thấy

hôn nhân không thể kéo dài, không còn khả năng hàn gắn, tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh K.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Nguyễn Tường H, sinh ngày 19/3/2002. Chị L yêu cầu tiếp tục được nuôi con chung và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị L và anh K tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết .

* Tại bản tự khai và biên bản hòa giải bị đơn anh Trần Văn K trình bày:

- Về tình cảm: anh thống nhất với chị L về thời gian kết hôn, cũng như mâu thuẫn dẫn đến việc chị L xin ly hôn. Hiện anh vẫn còn thương vợ thương con nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Nguyễn Tường H, sinh ngày 19/3/2002. Giả sử tòa án cho ly hôn anh đồng ý để chị L tiếp tục nuôi cháu H, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị L và anh K tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Thanh L vẫn giữ y yêu cầu khởi kiện cho chị được ly hôn với anh Trần Văn K. Về con chung: chị yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung trình bày không có.

Anh Trần Văn K không đồng ý ly hôn với chị L vì anh còn thương vợ, thương con muốn hàn gắn tình cảm. Về con chung: Nếu Tòa án cho ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị L nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng hàng tháng 500.000 đồng nuôi con. Về tài sản chung anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Căn cứ vào yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thanh L về việc tranh chấp ly hôn với anh Trần văn K có hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã B, huyện N, Tiền Giang thuộc trường hợp được qui định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 36 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N.

[2] Về hôn nhân: Chị L và anh K xác lập hôn nhân vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện D, Tỉnh Tiền Giang vào ngày 09/7/2004. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì mâu thuẫn gia đình xảy ra do bất đồng quan điểm sống, anh K ghen vô cớ thường hay đánh chị L nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Xét thấy, anh K và chị L từ lúc phát sinh mâu thuẫn đến nay không thể giải quyết, hàn gắn tình cảm vợ chồng, sống ly thân từ tháng 9 năm 2018 đến nay và tại phiên tòa chị L xác nhận không còn tình cảm với anh K nên mục đích hôn nhân không đạt, yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp với qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với lời trình bày của anh Trần Văn K còn thương vợ, thương con muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng anh K không đưa ra được biện pháp phương thức để anh chị hàn gắn, từ lúc mâu thuẫn sống ly thân đến nay các bên không giải quyết được do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày của anh K.

[3] Về con chung: Có 01 con chung Trần Nguyễn Tường H, sinh ngày 19/3/2002. Hiện cháu H đang sống với chị L và anh K, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu H, chị L không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, cháu H đang sống ổn định với chị L, cháu H có nguyện vọng sống với chị L, chị L và anh K thống nhất chị L tiếp tục nuôi cháu H, mặc dù chị L không yêu cầu anh K cấp dưỡng nhưng tại tòa anh K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 500.000 đồng, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo lợi ích của con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này. Anh K được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

[4]Về tài sản chung: chị L và anh K tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: chị L và anh K cùng trình bày vợ chồng không có tài nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: do chị L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự; xét thấy mâu thuẫn giữa anh K và chị L đã trầm trọng, không thể hàn gắn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L; tại phiên tòa, anh K và chị L đã thỏa thuận về việc nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con; thống nhất về tài sản chung, nợ chung. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của đương sự, thỏa thuận này phù hợp với quy định của pháp

luật nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Đề nghị này phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

***Xử*:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh L.

1/ Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị Thanh L được ly hôn với anh Trần Văn K.

2/ Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thanh L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung tên Trần Nguyễn Tường H, sinh ngày 19/3/2002.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh K cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 500.000 đồng. Bắt đầu cấp dưỡng khi án có hiệu lực pháp luật.

Anh Trần Văn K được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung: Chị L và anh K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về nợ chung: Chị L và anh K trình bày không có.

5/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0015618 ngày 15/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N nên chị đã nộp xong.

Anh Trần Văn K phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

theo qui định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**** Nơi nhận:***
- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã Bình Xuân, huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ánh Hồng